

Số: 1254/2023/QĐST-HNGĐ

B, ngày 26 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 9, 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84; 110 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1825/2023/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Trần Lương T, Sinh năm: 1976

Địa chỉ: 738/116, tổ 9, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Như Ý, Sinh năm: 1989

Địa chỉ: 738/116, tổ 9, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Ông Trần Lương T và bà Nguyễn Thị Như Ý thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Lương T và bà Nguyễn Thị Như Ý thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà Ý có 02 con chung là cháu Trần Ý T, sinh ngày 25/02/2016 và cháu Trần Phúc K, sinh ngày 09/06/2018. Ly hôn, hai bên thống nhất giao cháu T, cháu K cho bà Nguyễn Thị Như Ý là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ông Trần Lương T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng; tổng cộng: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận

tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T, cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về tài sản chung: ông T và bà Ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Lương T và bà Nguyễn Thị Như Ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ý T, sinh ngày 25/02/2016 và cháu Trần Phúc K, sinh ngày 09/06/2018 cho bà Nguyễn Thị Như Ý là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời, ông Trần Lương T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng; tổng cộng: 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T, cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông T có quyền thăm nom con không trực tiếp nuôi không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Ý có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không cấp dưỡng nuôi con với số tiền thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Ông T và bà Ý tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Lương T và bà Nguyễn Thị Như Ý mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T, bà Ý đã nộp theo biên lai thu số 0008523 ngày 17/7/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Nhàn